

Bản án số: 608/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Thanh Nga.

2. Ông Huỳnh Đăng Nin.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Hoàng Thị Bích H, sinh năm 1945. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: 128/7 Đường V, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Bị đơn:*** Ông Trần Công L, sinh năm 1941. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: 128/7 Đường V, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị Bích H trình bày:*

Quan hệ về hôn nhân: Bà và ông Trần Công L tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 do Quận G, Thành phố Huế cấp ngày 20 tháng 8

năm 1969. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung không hạnh phúc do vợ chồng không hòa hợp, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Quan hệ về nuôi con: Bà và ông L có 03 con chung tên Trần Hoàng S, sinh năm 1970, hiện nay đã chết; Trần Thị Bội H, sinh năm 1972 và Trần Thị Bảo H, sinh năm 1978. Hiện các con của bà và ông L đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan hệ về chia tài sản: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các vấn đề khác: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ông Trần Công L là bị đơn, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.*

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu trong hồ sơ vụ án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

*[1.1] Quan hệ tranh chấp:*

Nguyên đơn bà Hoàng Thị Bích H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Công L. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Căn cứ phúc đáp của Công an Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: “Ông Trần Công L, sinh năm 1941 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 128/7 Đường V, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà trên đã bán, hiện nay ông L và gia đình cư ngụ ở đâu không rõ”.

Xét, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Cư trú nên địa chỉ 128/7 Đường V, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là nơi cư trú cuối cùng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

*[1.3] Sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

*[1.4] Việc thu thập chứng cứ:*

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải;

quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành bà Diễm khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

[2] Nội dung:

[2.1] *Quan hệ về hôn nhân:*

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 64 do Quận G, Thành phố Huế cấp ngày 20 tháng 8 năm 1969 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Bích H và ông Trần Công L là hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung Ủy ban nhân dân phường chưa nắm được thông tin về việc có mâu thuẫn hay bạo lực trong gia đình tại địa chỉ 128/7 Đường V, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay gia đình đã bán nhà không còn ở địa chỉ trên nên Ủy ban nhân dân phường không có cơ sở để tiến hành xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyện nhân phát sinh của vợ chồng và nguyện vọng của các đương sự.

Xét: Mâu thuẫn phát sinh do hai bên bất đồng quan điểm, tính cách, không có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cuộc sống chung không hạnh phúc. Trong suốt quá trình tố tụng ông L không đến tòa để trình bày ý kiến cũng như quan điểm về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và các vấn đề khác. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích cuộc hôn nhân không đạt được, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông L để ổn định cuộc sống là chính đáng, có cơ sở chấp nhận.

[2.2] *Quan hệ về nuôi con:*

Bà H và ông L có 03 con chung tên Trần Hoàng S, sinh năm 1970, hiện nay đã chết; Trần Thị Bội H, sinh năm 1972 và Trần Thị Bảo H, sinh năm 1978.

Hiện các con của bà và ông L đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] *Quan hệ về chia tài sản*: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] *Các vấn đề khác*: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Án phí*: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H thuộc đối tượng được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

[4] *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

*Tuyên xử:*

**1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:**

Quan hệ về hôn nhân: Bà Hoàng Thị Bích H được ly hôn ông Trần Công L (Giấy chứng nhận kết hôn số 64 do Quận G, Thành phố Huế cấp ngày 20 tháng 8 năm 1969).

**2.** Quan hệ về nuôi con: Bà Hoàng Thị Bích H và ông Trần Công L có 03 con chung tên Trần Hoàng S, sinh năm 1970, hiện nay đã chết; Trần Thị Bội H, sinh năm 1972 và Trần Thị Bảo H, sinh năm 1978; đều đã thành niên.

**3.** Quan hệ về chia tài sản: Bà Hoàng Thị Bích H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.** Các vấn đề khác: Bà Hoàng Thị Bích H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**5.** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Bích H thuộc đối tượng được miễn tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

**6.** Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lê Hoàng Yến**

